# 6-8 测试

**PART 1 Listening Comprehension 20'**

| Question(2') | Answer(2') |
| --- | --- |
| 1. | |
| 2. | |
| 3. | |
| 4. | |
| 5. | |
| 6. | |
| 7. | |
| 8. | |
| 9. | |
| 10. | |

PART 2 Multiple choice 60’

1.Yuè

A)朋 B)月 C)舟

2.Hào

A)号 B)马 C)句

3.Xīngqī

A)星星 B)星其 C)星期

4.jīn nián

A)令年 B)今年 C)怜年

5.Duō

A)夕 B)多 C)少

6.Chī

A)喝 B)吃 C)叩

7.zěn me

A)什么 B)怎么 C)怎幺

8.Tiān

A)大 B)人 C)天

9.Suì

A)岁 B)山 C)夕

10. Cài

A)莱 B)菜 C)采

11. wǎn shang

A)早上 B)兔上 C)晚上

12. Bàn

A)半 B)干 C)米

13. xiàn zài

A)现在 B)王见 C)蚬在

14. míng tiān

A)日天 B)月天 C)明天

15. huì

A)会 B)云 C)众

16. Also,else

A)不 B)还 C)呸

17. tasty

A)很吃 B)好乞 C)好吃

18. shop

A)商店 B)饭店 C)商人

19. Birthday

A)生日 B)生月 C)生人

20. Buy

A)买 B)卖 C)读

21. Very much

A)很 B)恨 C)哏

22. Friend

A)明友 B)朋友 C)月友

23. Thank you

A)谢谢 B)身身 C)村村

24. We

A)我们 B)他们 C)我们的

25. Like

A)喜饭 B)喜欢 C)囍欢

26. And

A)和 B)还是 C)不是

27. COLA

A)可乐 B)可是 C)可口

28. Good bye

A)再贝 B)田见 C)再见

29. Money

A)钱 B)各 C)钟

30. Movie

A)电影 B)电视 C)电脑

PART 3 ANSWER QUESTIONS 20'

1.今天几月几号?

2.一个星期有几天?

3.你几点有中文课?

4.明天下午你想做什么？

5.你想吃什么？

**PART 4 BONUS QUESTION**

1. Which animal zodiacs in this year?
2. Where will host Chinese Olympic Winter Games in 2022?
3. What color is Chinese fortune color?
4. How many hours time differences between China and Poland now?